

# NÂNG CAO VAI TRÒ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÔNG NGHỆ

Nguyễn Hữu Xuyên\*, Dương Công Doanh\*\*

Ngày nhận: 21/6/2014

Ngày nhận bản sửa: 20/7/2014

Ngày duyệt đăng: 25/7/2014

## Tóm tắt

*Thị trường công nghệ có vai trò quan trọng trong việc kích cung, kích cầu về công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, đặc biệt là đổi mới công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường. Sự tác động của Nhà nước có ý nghĩa tích cực nhằm khắc phục những khiếm khuyết của thị trường, đồng thời kích thích thị trường công nghệ phát triển. Bài viết này sẽ trả lời được các câu hỏi sau: (i) Thị trường công nghệ là gì? (ii) Những yếu tố nào ảnh hưởng tới phát triển thị trường công nghệ? (iii) Quản lý nhà nước đối với phát triển thị trường công nghệ hiện nay ra sao? (iv) Nhà nước cần có chính sách gì để nâng cao vai trò quản lý của mình đối với phát triển thị trường công nghệ trong thời gian tới?*

**Từ khóa:** Thị trường công nghệ, Quản lý nhà nước

## 1. Giới thiệu

Thuật ngữ “*Thị trường công nghệ*” được sử dụng phổ biến hiện nay, nhưng lại chưa có sự thống nhất. Theo Nguyễn Quang Tuấn (2010), thị trường công nghệ là những cơ chế phân bổ đảm bảo việc giao dịch hàng hóa công nghệ diễn ra thuận lợi trên cơ sở lợi ích của các bên tham gia, gắn với phương thức thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học với thực tiễn sản xuất và đời sống; đây là thị trường không hoàn hảo về bản chất, rất dễ bị đóng băng nếu không có các thể chế cần thiết như các quy tắc, cơ chế thi hành và tổ chức; hay thị trường công nghệ có thể được hiểu là tổng thể các quan hệ mua bán hàng hóa công nghệ, các quan hệ lưu thông tiền tệ phục vụ quá trình thương mại hóa công nghệ, các giao dịch mua bán và dịch vụ về công nghệ. Thực tế cho thấy, để thương mại hóa thành công một công nghệ từ sáng chế phải mất trung bình từ 7 đến 12 năm (Swamidass & Vulasa, 2009), đồng thời phải có sự

trợ giúp tích cực từ phía nhà nước, các tổ chức trung gian về công nghệ. Vì vậy, phát triển thị trường công nghệ khó khăn hơn các thị trường khác do qui mô của thị trường công nghệ hẹp hơn các thị trường khác và phụ thuộc nhiều vào vòng đời công nghệ (Lee, 2010).

Nguyễn Đức Việt (2010) lại sử dụng thuật ngữ “*Thị trường khoa học và công nghệ*” thay cho “*Thị trường công nghệ*”, theo đó thị trường khoa học và công nghệ là không gian thực hoặc ảo diễn ra hoạt động trao đổi hàng hóa khoa học và công nghệ và chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa khoa học và công nghệ. Có quan điểm cho rằng không có thị trường khoa học và công nghệ, mà chỉ có thị trường công nghệ, bởi vì khoa học có chức năng tìm kiếm ra những kiến thức mới mà kiến thức được phổ biến cho xã hội thì không mua bán được. Ví dụ, không ai mua bán định luật Faraday hay Pithagore cả (Nguyễn Võ Hưng, 2003). Trong khi

đó, công nghệ thì cần được mua bán và trao đổi trên thị trường (Trần Trí Đức, 2013).

Trong các văn bản qui phạm pháp luật của Việt Nam cũng chưa thống nhất trong việc sử dụng thuật ngữ “Thị trường công nghệ” hay “Thị trường khoa học và công nghệ”. Ví dụ: Quốc hội (2006), trong mục 3, điều 5 của Luật Chuyển giao công nghệ sử dụng thuật ngữ “Thị trường công nghệ”; còn Chính phủ (2013) lại sử dụng thuật ngữ “Thị trường khoa học và công nghệ”. Thực tế hiện nay cho thấy khoảng cách giữa nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ngày càng được rút ngắn, ranh giới giữa khoa học và công nghệ ngày càng khó tách bạch, cho nên thuật ngữ “Thị trường khoa học và công nghệ” hay “Thị trường công nghệ” đều có ý nghĩa như nhau và có thể được sử dụng đồng thời trong bối cảnh hiện nay của Việt Nam.

Mặc dù, chưa có sự thống nhất về khái niệm thị trường công nghệ nhưng về cơ bản thị trường công nghệ được hình thành dựa trên 3 yếu tố: *thứ nhất*, phải có hàng hóa, mà hàng hóa ở đây là công nghệ; *thứ hai*, phân công lao động xã hội phải phát triển tương ứng sao cho có sự tồn tại quan hệ cung, cầu giữa các thành viên trong xã hội và giữa các loại hình sản xuất trong xã hội (tức là hình thành bên cung và bên cầu về công nghệ); *thứ ba*, phải có thể chế đảm bảo cho hoạt động của thị trường (như hệ thống các văn bản pháp qui phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách, các tổ chức quản lý và thực thi thể chế). Qua đó, có thể thấy thị trường công nghệ có các chức năng cơ bản như chức năng môi giới, chức năng đánh giá, chức năng thúc đẩy, chức năng điều tiết và chức năng điều phối lợi ích.

Từ các nghiên cứu ở trên, bài báo sử dụng thuật ngữ “Thị trường công nghệ” trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc các quan điểm trên, theo đó “*Thị trường công nghệ được hiểu là nơi diễn ra các hoạt động mua bán, trao đổi, chuyển quyền sở hữu hàng hóa công nghệ; đồng thời bao gồm các cơ chế, chính sách phân bổ các nguồn lực nhằm đảm bảo cho việc giao dịch, chuyển giao hàng hóa công nghệ được diễn ra thuận lợi và thành công*”.

Để hình thành và phát triển thị trường công nghệ cần có hàng hóa công nghệ, bên cung, bên cầu công nghệ, có các thể chế để đảm bảo duy trì và phát triển thị trường, đồng thời cần có các cơ chế, chính sách hỗ trợ thị trường như chính sách liên quan tới hoạt động hỗ trợ nghiên cứu và triển khai, sở hữu công nghiệp, các chính sách hỗ trợ tài chính, chính sách thương mại, công nghiệp, các tổ chức giám định, định giá công nghệ, các dịch vụ hỗ trợ, tư vấn pháp

lý về sở hữu trí tuệ, bản quyền công nghệ và chuyển giao công nghệ,...

Nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng sự điều tiết và can thiệp của Nhà nước giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển thị trường công nghệ như Dalum (1992), Scholtes (1999) và Riedel (2000). Để rõ hơn về vai trò của Nhà nước về phát triển thị trường công nghệ, bài báo tiến hành thu thập dữ liệu thông qua các bài báo, công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan tới phát triển thị trường công nghệ đã được công bố; đồng thời tiến hành điều tra các doanh nghiệp đóng vai trò là bên cung, bên cầu về công nghệ để làm rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển thị trường công nghệ. Tuy nhiên, cuộc điều tra diễn ra ở qui mô hẹp (119 doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội) với nội dung chủ yếu là nhận biết của các doanh nghiệp này về các chính sách của Nhà nước đã ban hành liên quan tới phát triển thị trường công nghệ; các số liệu được xử lý chủ yếu sử dụng phương pháp so sánh, tổng kết thực tiễn, chuyên gia và thống kê mô tả. Vì vậy, đây là một trong những hạn chế của bài nghiên cứu này.

## **2. Những yếu tố ảnh hưởng tới phát triển thị trường công nghệ**

### **2.1. Năng lực và sự sẵn sàng của bên cung**

Nguồn cung công nghệ trong thị trường công nghệ phụ thuộc vào năng lực của đội ngũ nhân lực công nghệ. Năng lực này không những phụ thuộc vào tố chất của họ mà còn phụ thuộc vào môi trường hoạt động trong tổ chức, mục tiêu của tổ chức mà họ đang làm việc. Ở Việt Nam, các tổ chức nghiên cứu và triển khai chưa thực sự phát huy được vai trò của nó, nguồn cung công nghệ chủ yếu là từ các tổ chức nước ngoài, động cơ chuyển giao của các tổ chức này thường khó xác định, nó thường phụ thuộc vào định hướng phát triển và các mục tiêu. Thông thường, mục tiêu cao nhất là thu được nhiều lợi nhuận, để có được lợi nhuận cao họ thường giảm chi phí đào tạo, hạn chế chuyển giao bí quyết công nghệ, do vậy làm cho bên tiếp nhận gặp khó khăn trong việc làm chủ công nghệ nhập.

### **2.2. Nhu cầu và năng lực tiếp nhận công nghệ của bên cầu**

Nhu cầu công nghệ thường phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh và chúng phụ thuộc vào nhu cầu đổi mới, năng lực tài chính, công nghệ của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, những yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả của các dự án đầu tư công nghệ như lãnh đạo doanh nghiệp chưa nhận thức được tầm quan trọng của đổi mới công nghệ, doanh nghiệp chưa có chiến lược đầu tư công nghệ phù

hợp, nguồn lực phục vụ cho đổi mới công nghệ còn thiếu và yếu.

### **2.3. Mức độ phát triển của các tổ chức môi giới, tư vấn công nghệ**

Các tổ chức này là cầu nối giữa bên chuyên giao (bên bán) và bên tiếp nhận (bên mua). Do hàng hoá công nghệ phần lớn là các tài sản trí tuệ và phải trải qua nhiều công đoạn phức tạp như giám định, chứng nhận quyền sở hữu công nghệ. Chất lượng và tính chuyên nghiệp của các định chế trung gian trên thị trường công nghệ khác nhiều so với các định chế trung gian trên các thị trường khác, cho nên việc hình thành các định chế trung gian về công nghệ ở Việt Nam hiện nay gặp nhiều khó khăn nên cần phải có sự hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức nghiên cứu và triển khai.

### **2.4. Môi trường chính sách về thị trường công nghệ**

Môi trường chính sách tạo ra hành lang pháp lý, tạo động lực và kích thích sự phát triển thị trường công nghệ. Cho nên, hệ thống văn bản đòi hỏi phải khả thi, đồng bộ, dễ hiểu, dễ thực hiện và đủ chi tiết để có thể giải quyết những tranh chấp xảy ra trên thị trường công nghệ. Hơn nữa, sự phát triển của thị trường công nghệ còn chịu tác động bởi các chính sách khuyến khích đầu tư của Nhà nước đối với khu vực kinh tế tư nhân vào lĩnh vực khoa học và công nghệ, các chính sách gắn kết giữa nghiên cứu với thực tiễn sản xuất,...

## **3. Đánh giá thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với phát triển thị trường công nghệ**

Từ năm 2000 đến nay, Quốc hội đã ban hành bốn luật có tác động mạnh mẽ tới phát triển thị trường công nghệ, bao gồm: Luật Khoa học và công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Công nghệ cao, cùng các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành các luật này. Bên cạnh đó, cũng có một số văn bản pháp luật khác có liên quan đến phát triển thị trường công nghệ, chuyển giao, mua bán công nghệ như: Thủ tướng Chính phủ (2005) đã phê duyệt Đề án phát triển thị trường công nghệ và vào năm 2013 đã phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020. Nhìn chung, các văn bản luật này đã tạo ra hàng lang pháp lý tương đối đầy đủ cho thị trường công nghệ phát triển thông qua các chính sách kích cung, kích cầu và chính sách thúc đẩy hoạt động trung gian môi giới về công nghệ. Tuy nhiên, hoạt động quản lý nhà nước đối với phát triển thị trường công nghệ của Việt Nam trong thời gian qua cũng còn nhiều hạn chế về môi trường pháp lý trong việc kích

cung, kích cầu và phát triển các định chế trung gian, các tổ chức môi giới về công nghệ.

### **3.1. Về môi trường pháp lý chung cho phát triển đối với thị trường công nghệ**

Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành chưa có các qui định cụ thể khi các bên tham gia hợp đồng có tranh chấp xảy ra, cũng chưa có những quy định chi tiết về chuyển quyền sở hữu kết quả nghiên cứu bằng nguồn ngân sách Nhà nước cho các tổ chức, cá nhân. Ví dụ: Thủ tướng Chính phủ (2005) phê duyệt Đề án phát triển thị trường công nghệ, trong đó có đề xuất bốn nhóm giải pháp với nhiều giải pháp khác nhau trong từng nhóm giải pháp về phát triển thị trường công nghệ nhưng một số giải pháp vẫn chưa được triển khai hoặc nếu triển khai nhưng kết quả chưa như mong muốn (Nguyễn Quang Tuấn, 2010), các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ cũng chưa đi vào cuộc sống một cách có hiệu quả.

Nội dung chính sách quản lý nhà nước về thị trường công nghệ nằm rải rác trong các văn bản pháp luật của Nhà nước về quản lý khoa học và công nghệ. Vì thế, trong nhiều trường hợp, khó có thể nhận dạng về nội dung quản lý nhà nước về thị trường công nghệ, nên gây khó khăn đối với các cán bộ quản lý công nghệ ở địa phương và doanh nghiệp. Đặc biệt, trong quá trình thực hiện đã bộc lộ nhiều bất cập như:

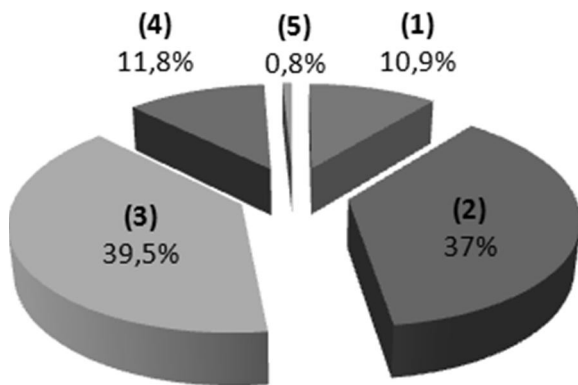
(i) Chưa phù hợp với cơ chế thị trường, hạn chế quyền tự chủ của doanh nghiệp;

(ii) Thiếu các chính sách hỗ trợ đồng bộ, khả thi để thúc đẩy hoạt động ứng dụng, đổi mới, thương mại hóa kết quả nghiên cứu (Hồ Đức Việt, 2010).

Ngoài ra, việc thực thi pháp chế về sở hữu trí tuệ chưa nghiêm minh, đồng thời chưa có cơ chế gắn kết, ràng buộc lợi ích của người sáng tạo, lợi ích người áp dụng thành quả và lợi ích toàn xã hội (Hồ Ngọc Luật, 2008).

Kết quả điều tra 119 doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội của tác giả (2013) được xử lý bằng phần mềm SPSS 16 (sử dụng thang đo Likert 5). Kết quả cho thấy nhận biết của doanh nghiệp về chính sách hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ còn hạn chế (Hình 1), cụ thể: có 10,9% doanh nghiệp không biết nội dung, 37% biết nhưng không rõ nội dung, 39,5% biết rõ nội dung nhưng không sử dụng được, 11,8% biết rõ nội dung, sử dụng được nhưng ít, chỉ có 0,8% doanh nghiệp biết rõ nội dung và thường xuyên sử dụng (điểm trung bình là 2,546, độ lệch chuẩn là 0,871). Điều này cho thấy chính sách phát

**Hình 1: Nhận biết của doanh nghiệp về các chính sách liên quan tới phát triển thị trường công nghệ**



*Nguồn:* Kết quả điều tra của tác giả (2013)

triển thị trường công nghệ của Nhà nước chưa đủ mạnh trong việc kích thích bên cung và bên cầu về công nghệ.

### 3.2. Về giao dịch công nghệ trên thị trường công nghệ

Hiện nay, giao dịch mua bán công nghệ ở nước ta ở mức phát triển chưa cao, cụ thể công nghệ được mua bán chủ yếu trên thị trường là trang thiết bị, máy móc và dây chuyền công nghệ toàn bộ mà chưa chú ý đến bí quyết công nghệ và khai thác tài sản trí tuệ. Trong khi đó chi tiêu của doanh nghiệp cho nghiên cứu và phát triển đứng thứ 27/133 quốc gia/nền kinh tế, mức đầu tư cho đổi mới công nghệ của doanh nghiệp còn thấp, chỉ chiếm khoảng 0,1 – 0,3% doanh thu, con số này ở Ấn Độ khoảng 5%, Hàn Quốc là 10% (Lê Xuân Bá & Vũ Xuân Nguyệt Hồng, 2008). Điều này cho thấy tổng nhu cầu công nghệ trên thị trường ở nước ta không lớn, trong khi trình độ công nghệ của doanh nghiệp thấp.

### 3.3. Thực trạng các tổ chức trung gian về công nghệ

Các tổ chức trung gian có vai trò quan trọng trong phát triển thị trường công nghệ. Một trong những tổ chức (định chế) đó là các Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart) và Sàn (Trung tâm) giao dịch công nghệ. Cùng với việc tổ chức các Techmart vào thời gian và địa điểm cụ thể, nhiều Techmart trên mạng (Techmart ảo) đã được xây dựng và đi vào hoạt động để cung cấp các thông tin cho các bên có nhu cầu. Một số Techmart ảo do những trung tâm thông tin khoa học và công nghệ xây dựng như:

(i) Chợ công nghệ và thiết bị Việt Nam của Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia (sàn giao dịch Hà Nội, <http://www.techmartvietnam.vn>);

(ii) Chợ công nghệ thiết bị của Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (sàn giao dịch thành phố Hồ Chí Minh,

- (1) Doanh nghiệp không biết nội dung chính sách
- (2) Doanh nghiệp biết có chính sách nhưng không rõ nội dung
- (3) Doanh nghiệp biết rõ nội dung nhưng không sử dụng được
- (4) Doanh nghiệp biết rõ nội dung, sử dụng được nhưng ít
- (5) Doanh nghiệp biết rõ nội dung và thường xuyên sử dụng

<http://www.techmart.cesti.gov.vn>);

(iii) Sàn giao dịch công nghệ Hải Phòng do Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ Hải Phòng xây dựng (<http://www.techmarthaiphong.com.vn/>), sàn giao dịch Đà Nẵng của Trung tâm khoa học và công nghệ Đà Nẵng (<http://techmartdanang.vn>) và một số sàn giao dịch công nghệ khác ở một số tỉnh, thành như: Quảng Ninh, Bắc Giang, Bạc Liêu, Nghệ An, Quảng trị,...

Phạm Hồng Quát (2013) đã thống kê từ bốn sàn giao dịch ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Nghệ An cho thấy: từ năm 2011 đến 2013 lượng giao dịch công nghệ đạt 4.568 với giá trị là 5.683 tỷ đồng, từ năm 2011 đến 2012 số lượng giao dịch công nghệ tăng 35% và từ năm 2012 đến tháng 10/2013 tăng 11,3%.

Như vậy, các tổ chức trung gian đã có những đóng góp nhất định trong việc phát triển thị trường công nghệ, tuy nhiên theo Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (2007) thì các tổ chức trung gian về công nghệ ở nước ta nhìn chung còn yếu, chưa đồng bộ, nên khó có thể tồn tại và phát triển nếu không có sự hỗ trợ từ chính sách nhà nước. Các hoạt động tư vấn, thẩm định và định giá công nghệ, dịch vụ pháp lý về sở hữu trí tuệ và các dịch vụ liên quan đến mua bán công nghệ chưa thực sự phát triển, nguồn nhân lực cho các dịch vụ tư vấn và môi giới công nghệ hiện nay còn hạn chế, vì thế mà ảnh hưởng mạnh mẽ tới việc phát triển thị trường công nghệ của Việt Nam.

## 4. Đề xuất giải pháp nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước đối với phát triển thị trường công nghệ

### 4.1. Hoàn thiện môi trường pháp lý cho thị trường công nghệ phát triển

Nhà nước cần rà soát lại các văn bản qui phạm pháp luật liên quan tới phát triển thị trường công

nghệ, đặc biệt là hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Công nghệ cao nhằm tạo ra một hành lang pháp lý cho mọi quan hệ kinh tế đều vận động theo cơ chế thị trường. Hệ thống pháp luật cần phải:

(i) Phải đảm bảo tính rõ ràng, đồng bộ, nhất quán trong hệ thống để hạn chế rủi ro do sự chồng chéo giữa các qui định;

(ii) Phù hợp với hệ thống pháp luật quốc tế nhằm tạo cơ hội cho các nhà đầu tư trong nước có thể hòa nhập vào môi trường kinh doanh toàn cầu.

Trên cơ sở đánh giá chính sách hiện hành về phát triển thị trường công nghệ, Nhà nước cần phải xây dựng hệ thống các chỉ tiêu thống kê về các hoạt động trên thị trường công nghệ hàng quý/năm để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, đảm bảo công bằng, minh bạch.

#### **4.2. Thúc đẩy nguồn cung công nghệ**

Nhà nước cần tập trung đầu tư nâng cấp một số Viện nghiên cứu và phát triển công nghệ đầu ngành nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu để tạo ra nhiều công nghệ nội sinh, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện có hiệu quả hoạt động thích nghi, cải tiến công nghệ, tiến tới làm chủ và tạo ra công nghệ. Để làm được điều này, một mặt, Nhà nước cần rà soát để loại bỏ bất cập của những văn bản hiện hành, mặt khác, cần xây dựng và ban hành văn bản pháp luật mới về đăng ký và công nhận thành quả khoa học công nghệ; đồng thời cần thúc đẩy nhanh thương mại hóa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, nhằm đẩy mạnh nguồn cung công nghệ trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đổi mới công nghệ thành công.

#### **Ghi chú:**

1. Hàng hóa công nghệ thường là các tài sản trí tuệ, phải trải qua nhiều giai đoạn như thẩm định, giám định, định giá, chứng nhận quyền sở hữu nên yêu cầu nhân lực phải có trình độ chuyên môn cao.

#### **Tài liệu tham khảo**

- Dalum, B (1992), *Public policy in the learning society*, In National innovation system: Towards a theory of innovation and interactive learning, Pinter Publishers, London.
- Hồ Đức Việt chủ biên (2010), “*Xây dựng, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”, NXB Chính trị Quốc gia.
- Hồ Ngọc Luật (2008), “*Hướng phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở nước ta*”, Báo cáo của Vụ Khoa học tự nhiên, công nghệ và môi trường, Ban Khoa giáo Trung ương.
- Lee, Sheng-Hsien (2010), *An analysis of technology market from the perspective of technology life cycle*, African Journal of Business Management Vol. 4(17), pp. 3641-3654, 4 December, 2010.
- Lê Xuân Bá & Vũ Xuân Nguyệt Hồng chủ biên (2008), “*Chính sách huy động các nguồn vốn cho đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp*”, NXB Thống kê.

#### **4.3. Xây dựng chính sách nhằm kết nối cung – cầu về công nghệ**

Nhà nước cần ban hành các văn bản hướng dẫn, thực thi hoạt động quản lý chợ công nghệ, dịch vụ môi giới, tư vấn, kiểm định, đánh giá công nghệ nhằm thiết lập trật tự thị trường; đồng thời xây dựng chính sách khuyến khích cung cấp, tra cứu thông tin về công nghệ và phổ biến thông tin công nghệ trên các phương tiện thông tin đại chúng; đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận được thông tin về công nghệ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng lực vận hành, năng lực tiếp thu và năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

#### **4.4. Hỗ trợ phát triển các tổ chức trung gian trên thị trường công nghệ**

Nhà nước cần phát triển hệ thống các Quỹ nhằm thúc đẩy các hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, bao gồm: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ đổi mới công nghệ, Quỹ đầu tư mạo hiểm trong lĩnh vực công nghệ; đồng thời xây dựng cơ chế khuyến khích tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Như vậy để phát triển thị trường công nghệ, Nhà nước cần nâng cao vai trò quản lý thông qua việc hoạch định, ban hành và tổ chức thực thi các hoạt động liên quan tới thị trường công nghệ. Đây là yếu tố quan trọng để thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, từng bước nâng cao trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp; đồng thời nâng cao năng lực nội sinh công nghệ quốc gia, góp phần phát triển đất nước dựa trên nền tảng phát triển công nghệ. □

- Thủ tướng Chính phủ (2005), *Quyết định số 214/2005/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án phát triển thị trường công nghệ*, ban hành ngày 30/08/2005.
- Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 2075/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020*, ban hành ngày 08/11/2013.
- Nguyễn Quang Tuấn (2010), “*Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển ở Việt Nam*”, Tạp chí cộng sản số 5/2010.
- Nguyễn Võ Hưng (2003), “*Nghiên cứu chính sách và cơ chế thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ ở Việt Nam*”, Báo cáo đề tài cấp Bộ của Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ.
- Phạm Hồng Quát (2013), *Cần hành lang pháp lý cho sản giao dịch*, truy cập ngày 22 tháng 10 năm 2013, từ <http://www.nistpass.gov.vn/vi/tin-tuc/chien-luoc-chinh-sach/1077-can-hanh-lang-phap-ly-cho-san-giao-dich-cong-nghe>.
- Quốc hội (2006), *Luật Chuyển giao công nghệ*, Luật số 80/2006/QH11, ban hành ngày 29/11/2006.
- Quốc hội (2013), *Luật Khoa học và công nghệ sửa đổi*, Luật số 29/2013/QH13, ban hành ngày 18/6/2013.
- Quốc hội (2005), *Luật Sở hữu trí tuệ*, Luật số 50/2005/QH11, ban hành ngày 29/11/2005.
- Quốc hội (2008), *Luật Công nghệ cao*, Luật số 21/2008/QH12, ban hành ngày 13/11/2008.
- Riedel, J. (2000), *The role of the state and the market in the economy of Vietnam*, Johns Hopkins University, Washington, DC 20036.
- Scholtes, P.R. (1999), *The scope for the public intervention in industry*, United Nations Industrial Development Organization (UNIDO).
- Swamidass, M.P. & Vulasa, V. (2009), *Why university inventions rarely produce income? Bottlenecks in university technology transfer*, Journal of Technology Transfer, 34: 343 – 363.
- Trần Trí Đức (2003), “*Hiện trạng thị trường khoa học và công nghệ ở Việt Nam*”; Nội san Nghiên cứu chính sách Khoa học và Công nghệ số 6/2003, Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ.
- Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (2007), “*Phát triển thị trường khoa học và công nghệ: Kinh nghiệm của Trung Quốc và Việt Nam*”, Báo cáo chuyên đề, Hà Nội.

## Enhancing state management role in technology market development

*Abstract:*

*Technology market plays an important role in stimulating supply and demand of technology, creating favorable conditions for technology innovations in enterprises, especially friendly environment technology innovation. The policies of the State have made significant impact to overcome the deficiencies of the market, while stimulating development of technology market. This paper applies qualitative and quantitative research methods through the use of secondary and primary data to answer the following questions: (i) What is the technology market? (ii) What factors affect the development of technology market? (iii) How is the current situation of State management in developing technology market in Vietnam? (iv) What are policies to improve state management role in developing technology market in the near future?*

---

### Thông tin tác giả:

**\*Nguyễn Hữu Xuyên, tiến sĩ**

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Kinh tế quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản lý và đổi mới công nghệ
- Một số tạp đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: huuxuyenbk@gmail.com

**\*Dương Công Doanh, thạc sĩ**

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: doanhdoanh.qtkd.neu@gmail.com